Nhãn Hiệu Hàng Hoá

3.1 Định nghĩa và kh□ năng đăng ký

Nhãn hiệu hàng hoá được định nghĩa là d□u hiệu dùng đ□ phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ c□a các t□ chức, cá nhân khác nhau. Nhãn hiệu được b□o hộ n□u đáp ứng các đi□u kiện sau đây:

(i) Là d□u hiệu nhìn th□y được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình □nh, k□ c□ hình ba chi□u hoặc sự k□t hợp các y□u t□ đó, được th□ hiện bằng một hoặc nhi□u m□u s□c; và
(ii) Có kh□ năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ c□a ch□ s□ hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ c□a ch□ th□ khác.
D□u hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hoá được coi là có kh□ năng phân biệt n□u được tạo thành từ một hoặc một s□ y□u t□ d□ nhận bi□t, d□ ghi nhớ hoặc từ nhi□u y□u t□ k□t hợp thành một t□ng th□ d□ nhận bi□t, d□ ghi nhớ và không là d□u hiệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
a) Hình và hình hình học đơn gi□n, chữ s□, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các d□u hiệu này đã được s□ dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu;
b) D□u hiệu, bi□u tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường c□a hàng hoá, dịch vụ bằng b□t kỳ ngôn ngữ nào đã được s□ dụng rộng rãi, thường xuyên, nhi□u người bi□t đ□n;
c) D□u hiệu ch□ thời gian, địa đi□m, phương pháp s□n xu□t, ch□ng loại, s□ lượng, ch□t lượng, tính ch□t, thành ph□n, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô t□ hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp d□u hiệu đó đã đạt được kh□ năng phân biệt thông qua quá trình s□ dụng trước thời đi□m nộp đơn đăng ký nhãn hiệu;
d) D□u hiệu mô t□ hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh c□a ch□ th□ kinh doanh;
đ) D□u hiệu ch□ ngu□n g□c địa lý c□a hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp d□u hiệu đó đã được s□ dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập th□ hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này;
e) D□u hiệu không ph□i là nhãn hiệu liên k□t trùng hoặc tương tự đ□n mức gây nh□m l□n với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ s□ đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quy□n ưu tiên, k□ c□ đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo đi□u ước qu□c t□ mà Cộng hoà xã hội ch□ nghĩa Việt Nam là thành viên;
g) D□u hiệu trùng hoặc tương tự đ□n mức gây nh□m l□n với nhãn hiệu c□a người khác đã được s□ dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quy□n ưu tiên;
h) D□u hiệu trùng hoặc tương tự đ□n mức gây nh□m l□n với nhãn hiệu c□a

người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật SHTT;
i) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng;
k) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;
l) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hoá;
m) Dấu hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý hoặc có chứa chỉ dẫn địa lý hoặc được dịch nghĩa, phiên âm từ chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho rượu vang, rượu mạnh nếu dấu hiệu được đăng ký để sử dụng cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó;
n) Dấu hiệu trùng hoặc không khác biệt đáng kể với kiểu dáng công nghiệp của người khác được bảo hộ trên cơ sở đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn so với ngày nộp đơn, ngày ưu tiên của đơn đăng ký nhãn hiệu.
Những dấu hiệu sau đây không được bảo hộ trong nhãn hiệu hàng hoá:

(1) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình quốc kỳ, quốc huy của các nước;
(2) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép;
(3) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam, của nước ngoài;
(4) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận;
(5) Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ.**3.2 Người có quyền nộp đơn và cơ quan tiếp nhận đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá** Cá nhân, pháp nhân hoạt động sản xuất và kinh doanh hợp pháp có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá cho các sản phẩm và dịch vụ mà mình sản xuất và cung cấp hoặc có dự

định sản xuất hoặc cung cấp. Việc sử dụng thực tế hoặc sử dụng trước nhãn hiệu không phải là điều kiện để đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tại Việt Nam. Vì thế các doanh nghiệp bao gồm cả doanh nghiệp nước ngoài có thể tiến hành đăng ký nhãn hiệu hàng hoá để sử dụng trong tương lai ở Việt Nam, với điều kiện là nhãn hiệu đã đăng ký không được ngừng sử dụng trong ít nhất năm năm liên tục. Nếu không, giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá đó có nguy cơ bị huỷ bỏ hiệu lực.
Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá phải được nộp cho Cục SHTT tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Cá nhân và pháp nhân của Việt Nam có thể trực tiếp nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tại Cục SHTT. Cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoặc pháp nhân nước ngoài có đại diện hợp pháp tại Việt Nam hoặc có cơ sở hoạt động sản xuất và kinh doanh thực tế ở Việt Nam cũng có thể trực tiếp nộp đơn tại Cục SHTT. Ngoài các trường hợp đã được quy định này, tất cả các đơn của người nước ngoài phải nộp đơn thông qua tổ chức đại diện SHCN, như Vision & Associates.

3.3 Nguyên tắc "Nộp đơn đầu tiên"

Nguyên tắc "Nộp đơn đầu tiên" được áp dụng ở Việt Nam, theo đó trong trường hợp có từ 2 chủ thể trở lên nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ đối với cùng một nhãn hiệu hàng hoá dùng cho cùng một loại sản phẩm, dịch vụ thì chỉ người nộp đơn sớm nhất mới được cấp văn bằng bảo hộ.
Trong trường hợp có từ hai đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá được nộp với cùng điều kiện ưu tiên, thì Cục SHTT sẽ đề nghị các chủ thể thoả thuận để chỉ còn một chủ thể được cấp văn bằng bảo hộ, trong trường hợp các chủ thể nộp đơn nói trên không thoả thuận được với nhau thì tất cả các đơn sẽ bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

3.4 Quyền ưu tiên

Người nộp đơn có thể yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Công ước Pari trên cơ sở một đơn sớm hơn đã được nộp tại một quốc gia thành viên của Công ước Pari (quốc gia thành viên) hoặc trên cơ sở triển lãm quốc tế chính thức được tổ chức tại Việt Nam hoặc ở một nước thành viên khác. Cũng có thể yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo các hiệp ước song phương hoặc trên nguyên tắc có đi có lại. Để được hưởng quyền ưu tiên, trong vòng sáu

tháng tính từ ngày nộp đơn đ□u tiên □ nước thành viên hoặc từ ngày tri□n lãm qu□c t□ như nêu trên, người nộp đơn ph□i ti□n hành nộp đơn cho Cục SHTT.

3.5 Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

M□i đơn ch□ được đăng ký b□o hộ cho một nhãn hiệu. Tuy nhiên, cũng có th□ đăng ký b□o hộ cho một hoặc nhi□u nhóm s□n ph□m/dịch vụ trong một đơn duy nh□t. Hàng hoá và/hoặc dịch vụ yêu c□u b□o hộ trong đơn ph□i được phân loại theo Phân loại Qu□c t□ hàng hoá và dịch vụ theo Tho□ ước Nice (Việt Nam hiện đang áp dụng B□ng Phân loại Qu□c t□ Hàng hoá và dịch vụ được xu□t b□n l□n thứ 9).
Cục SHTT ch□p nhận việc s□ dụng một u□ quy□n chung đ□ nộp nhi□u đơn đăng ký c□a cùng một người nộp đơn. N□u trong u□ quy□n ch□ định rõ nhãn hiệu cụ th□ mà người nộp đơn yêu c□u đăng ký, thì trong các đơn đăng ký ti□p theo cho các nhãn hiệu khác c□n ph□i có u□ quy□n cho đơn này. Khi nộp đơn, người nộp đơn cũng không c□n nộp gi□y u□ quy□n tại thời đi□m nộp đơn với đi□u kiện trong vòng 1 tháng k□ từ ngày nộp đơn người nộp đơn ph□i nộp b□ sung b□n g□c c□a gi□y u□ quy□n này cho Cục SHTT.
V□ các tài liệu c□n thi□t đ□ nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, đ□ nghị xem Đi□u kiện nộp đơn tại Việt Nam

3.6 Xét nghiệm đơn

Trong vòng 1 tháng k□ từ ngày nộp đơn, Cục SHTT sẽ ti□n hành xét nghiệm v□ mặt hình thức cho t□t c□ các đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá. N□u đáp ứng các yêu c□u v□ mặt hình thức Cục SHTT sẽ ra thông báo ch□p nhận đơn là đơn hợp lệ trong đó xác định ngày nộp đơn hợp lệ, s□ đơn hợp lệ và ngày ưu tiên (n□u xin hư□ng quy□n ưu tiên). Trong trường hợp đơn không đáp ứng các yêu c□u v□ mặt hình thức Cục SHTT sẽ từ ch□i đơn và có thông báo từ ch□i ch□p nhận đơn hoặc đ□ nghị người nộp đơn làm rõ hoặc s□a đ□i thích hợp, n□u c□n thi□t.
Sau khi xét nghiệm hình thức và đơn nhãn hiệu được ch□p nhận là đơn hợp lệ, đơn nhãn hiệu sẽ được công b□ trên công báo c□a Cục SHTT trong vòng 2 tháng k□ từ ngày ch□p nhận đơn hợp lệ và

sau đó sẽ được Cục SHTT tiến hành xét nghiệm nội dung trong vòng 6 tháng kể từ ngày công bố đơn. Việc xét nghiệm nội dung nhằm xác định xem (i) nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ có khả năng phân biệt và (ii) có thuộc đối tượng loại trừ hay không. Trong giai đoạn này, người nộp đơn có thể tiến hành sửa đổi đơn. Tuy nhiên, Cục SHTT sẽ chỉ chấp nhận việc sửa đổi đơn nếu việc sửa đổi này không làm thay đổi bản chất hoặc mở rộng khối lượng yêu cầu bảo hộ trong đơn. Ví dụ, người nộp đơn có thể giới hạn danh mục sản phẩm và/hoặc dịch vụ trong đơn mà không được mở rộng chúng.
Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá theo Thoả ước Madrid cũng được xét nghiệm về nội dung trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của WIPO về mở rộng bảo hộ vào lãnh thổ Việt Nam.

3.7 Cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá hoặc chấp nhận bảo hộ

Sau khi kết thúc công việc xét nghiệm nội dung, nếu đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ, Cục SHTT sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá và công bố trong Tập B, Công báo SHCN. Trong trường hợp Nhãn hiệu không được đăng ký, Cục SHTT sẽ có Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung, thông báo cho người nộp đơn về dự định từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá và lý do từ chối, hoặc thông báo các thiếu sót hoặc các yêu cầu cần sửa chữa. Người nộp đơn có thời hạn là 2 tháng để trả lời hoặc sửa chữa thiếu sót nêu trong Thông báo. Nếu người nộp đơn không trả lời hoặc trả lời không thoả đáng thì Cục SHTT sẽ chính thức có Thông báo Từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu hàng hoá. Trong trường hợp việc trả lời đáp ứng yêu cầu thì Cục SHTT sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu hàng hoá hoặc ra Thông báo Chấp nhận đơn.
Đối với các nhãn hiệu quốc tế được nộp theo Thoả ước Madrid, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông báo đăng ký Nhãn hiệu quốc tế có chỉ định Việt Nam của WIPO, Cục SHTT sẽ đưa ra kết luận về khả năng đăng ký nhãn hiệu hàng hoá nói trên. Trong trường hợp Cục SHTT không có Thông báo Từ chối bảo hộ, thì

nhãn hiệu sẽ tự động được bảo hộ ở Việt Nam. Trong trường hợp nhãn hiệu quốc tế được chấp nhận bảo hộ ở Việt Nam thì nhãn hiệu sẽ có hiệu lực kể từ ngày công bố trên Công báo Sở hữu Công nghiệp, Quyển B đến khi kết thúc thời hạn 10 năm hoặc 20 năm của đăng ký quốc tế.
Trong trường hợp nhãn hiệu quốc tế không có khả năng đăng ký hoặc bị từ chối từng phần, trong thời hạn nêu trên, Cục SHTT sẽ ra Thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn thông qua Văn phòng Quốc tế Nhãn hiệu hàng hoá và nêu rõ lý do từ chối.

3.8 Nhãn hiệu nổi tiếng

Luật SHTT có hiệu lực ngày 01/07/2006 đã đưa ra định nghĩa về Nhãn hiệu nổi tiếng, theo đó "nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam". Theo Luật SHTT, quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu nổi tiếng được phát sinh trên cơ sở sử dụng nhãn hiệu mà không phải qua thủ tục đăng ký.
Theo quy định của Luật SHTT, các tiêu chí sau đây sẽ được xem xét khi đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng:

(1) Số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu thông qua việc mua bán, sử dụng hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc thông qua quảng cáo;
(2) Phạm vi lãnh thổ mà hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu đã được lưu hành;
(3) Doanh số từ việc bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc số lượng hàng hoá đã được bán ra, lượng dịch vụ đã được cung cấp;
(4) Thời gian sử dụng liên tục nhãn hiệu;
(5) Uy tín rộng rãi của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu;
(6) Số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu;
(7) Số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng;
(8) Giá chuyển nhượng, giá chuyển giao quyền sử dụng, giá trị góp vốn đầu tư của nhãn hiệu.

3.9 Thời hạn bảo hộ và gia hạn hiệu lực

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn và có thể gia hạn liên tiếp mỗi lần 10 năm.
Để tiến hành gia hạn, trong vòng 6 tháng trước ngày giấy chứng

nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá hết hiệu lực, chủ giấy chứng nhận nộp đơn xin gia hạn và nộp phí gia hạn cho Cục SHTT. Đơn xin gia hạn có thể được nộp muộn hơn thời hạn quy định trên đây nhưng không quá 6 tháng tính từ ngày giấy chứng nhận hết hiệu lực, với điều kiện chủ giấy chứng nhận phải nộp thêm 10% lệ phí gia hạn cho mỗi tháng nộp muộn.

3.10 Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy chứng nhận

Chủ giấy chứng nhận có quyền (i) độc quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, bao gồm cả quyền chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá cho người khác thông qua việc cấp li-xăng hoặc chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu thông qua hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá hoặc để lại thừa kế, (ii) quyền yêu cầu người vi phạm quyền chấm dứt hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hai do hành vi vi phạm gây ra.
Chủ giấy chứng nhận phải sử dụng nhãn hiệu liên tục và không được ngừng việc sử dụng nhãn hiệu trong ít nhất 5 năm liên tục. Nếu không giấy chứng nhận có nguy cơ bị bên thứ ba yêu cầu đình chỉ hiệu lực.**3.11 Các thủ tục khiếu nại/phản đối** Người nộp đơn có quyền khiếu nại/phản đối việc từ chối chấp nhận đơn hoặc cấp giấy chứng nhận của Cục SHTT. Bất kỳ bên thứ ba nào cũng có quyền khiếu nại hoặc phản đối việc cấp giấy chứng nhận của Cục SHTT và phải nộp phí khiếu nại theo qui định.
Trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận được quyết định từ chối của Cục SHTT, người nộp đơn phải nộp đơn khiếu nại/phản đối cho Cục SHTT. Trong trường hợp bên thứ ba phản đối việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá thì có thể nộp đơn phản đối vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận. Trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn phản đối, Cục SHTT phải trả lời người phản đối. Nếu không đồng ý với ý kiến của Cục SHTT, người phản đối có thể tiếp tục khiếu nại lên Bộ Khoa học Công nghệ hoặc tiến hành khởi kiện Cục SHTT tại Toà Hành chính thuộc hệ thống Toà án Nhân dân.

3.12 Huỷ bỏ và chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

Trong các trường hợp sau đây, giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá có thể bị huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực theo yêu cầu của bên thứ ba:

(1) Người được cấp giấy chứng nhận không có quyền nộp đơn đăng ký hoặc

không được chuyển nhượng quyền nộp đơn từ người có quyền nộp đơn; hoặc
(2) Nhãn hiệu được bảo hộ theo giấy chứng nhận không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.
Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá có thể bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
(1) Chủ giấy chứng nhận có văn bản tuyên bố từ bỏ toàn bộ các quyền được hưởng theo giấy chứng nhận; hoặc
(2) Chủ giấy chứng nhận không nộp phí gia hạn hiệu lực giấy chứng nhận đúng thời hạn; hoặc
(3) Nhãn hiệu được bảo hộ theo giấy chứng nhận không được sử dụng trong 5 năm liên tục mà không có lý do chính đáng (cơ sở không sử dụng); hoặc
(4) Chủ giấy chứng nhận không còn tồn tại hoặc không hoạt động.**3.13 Vi phạm nhãn hiệu hàng hoá** Hành vi sử dụng nhãn hiệu hàng hoá như được mô tả trên sẽ bị coi là hành vi vi phạm nhãn hiệu hàng hoá nếu hành vi sử dụng này được thực hiện mà không có sự chấp thuận của chủ nhãn. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là pháp luật hiện hành của Việt Nam về nhãn hiệu hàng hoá lại không coi hành vi nhập khẩu hàng hoá, sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ từ nguồn không phải do chính chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp cung cấp mà do người được cấp li-xăng, người được phân phối, hoặc do công ty con, chi nhánh cung cấp (hành vi nhập khẩu song song) là hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp. Và do đó, chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá không được quyền ngăn chặn đối với các hành vi này. Pháp luật về nhãn hiệu hàng hoá hiện hành cũng quy định các biện pháp xử phạt hành chính, dân sự hoặc hình sự để cho chủ nhãn hiệu thực thi quyền của mình trong trường hợp có vi phạm.
Chi tiết về thực thi quyền nhãn hàng và các biện pháp xử lý hiện hành, đề nghị xem Mục 8-Thực thi quyền sở hữu trí tuệ dưới đây.